TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05/10/2018
V/v: "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***** *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**

***** *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Lê Đình Cự.**

2. **Bà Nguyễn Thị Vĩnh.**

***** *Thư ký phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh** – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2018 về: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Anh Nguyễn Như T,** sinh năm 1981

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: Số 699, đường V, phường K, quận T, TP Hà Nội.

* *Bị đơn:* **Chị Nguyễn Thị T1,** sinh năm 1991

HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Bà T3, sinh năm 1946

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Anh T; chị T1 có mặt tại phiên tòa; bà T3 vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2018; Bản tự khai ngày 22/8/2018; Biên bản hòa giải ngày 30/8/2018; 17/9/2018 và tại phiên tòa anh Nguyễn Như T nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn ngày 21/01/2013 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa T1ận được khoảng hơn 4 năm thì phát

sinh mâu T1ẫn do anh phát hiện chị T1 có biểu hiện ngoại tình, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị T1 không nghe, chị T1 còn T1 thuê xã hội đe dọa anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

* *Về con chung:* Anh và chị T1 có 02 con chung là Nguyễn Như Gia B, sinh ngày 08/9/2013 và Nguyễn Như Bảo A, sinh ngày 18/10/2015. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản:* Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 22/8/2018; Biên bản hòa giải ngày 30/8/2018; 17/9/2018 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T1 bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh T kết hôn ngày 21/01/2013 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi sinh cháu thứ hai vào khoảng tháng 10/2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T không quan tâm đến vợ con, thường xuyên chửi bới đánh đập chị thậm chí còn đuổi chị ra khỏi nhà trong lúc chị đang nuôi con nhỏ. Anh T chỉ nghe theo ý của mẹ đẻ và anh chị em ruột trong nhà còn không hề quan tâm đến ý kiến của vợ con. Anh đuổi chị ra khỏi nhà nên hiện nay chị phải thuê trọ để sống. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn, chị nhất trí ly hôn với anh T.

* *Về con chung:* Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Như Gia B, sinh ngày 08/9/2013 và Nguyễn Như Bảo A, sinh ngày 18/10/2015. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Như Bảo A và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản:* Chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà 02 tầng diện tích 50m^2 được xây trên diện tích đất 24,8m^2 ở thôn T, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, trị giá ngôi nhà 02 tầng khoảng 200.000.000đồng. Đất mang tên ông Nguyễn Như M (đã mất) và bà T3, sinh năm 1946 là bố mẹ chồng chị. Ngày 07/9/2018 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T1 có đơn đề nghị rút yêu giải quyết về tài sản chung và không đề nghị Tòa án giải quyết phần tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai và các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn đang cư trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật. Vụ án Tòa án không tiến hành T1 thập chứng cứ, các tài liệu chứng cứ đều do các đương sự nộp nên căn cứ vào khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành T1 thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Như T và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn ngày 21/01/2013 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 4 đến 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T và chị T1 không tin tưởng, quan tâm đến nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên có xảy ra to tiếng với nhau. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần mục đích để anh T, chị T1 có thời gian suy nghĩ, cùng chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, bỏ qua mâu thuẫn cho nhau, vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dậy con chung nhưng việc đoàn tụ giữa anh T và chị T1 không thành, nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị T1 nhất trí. Vì vậy cần xử chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh T và chị T1.

[3] *Về con chung:* Anh T và chị T1 có 02 con chung là Nguyễn Như Gia B, sinh ngày 08/9/2013 và Nguyễn Như Bảo A, sinh ngày 18/10/2015. Ly hôn anhT có nguyện vọng nuôi cả 02 con; Chị T1 có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Như Bảo A và không bên nào có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T chứng minh hiện anh đang làm bếp trưởng tại nhà hàng B ở số 699, đường V, phường K, quận T, TP Hà Nội, mỗi tháng thu nhập khoảng 15.000.000đồng/tháng, bên cạnh đó anh cho rằng hiện nay chị T1 không có chỗ ở, thu nhập ổn định, không có đạo đức vì có quan hệ ngoại tình. Chị T1 cũng chứng minh chị có đủ điều kiện khả năng để nuôi con chị đã nộp cho Tòa án thu nhập của chị mỗi tháng là 4.000.000đồng, nếu Tòa giao con cho chị, chị sẽ cũng con về quê ở Yên Thành, Nghệ An sống cùng bố mẹ chị nên chị đảm bảo về chỗ ở cho con.

HĐXX xét thấy việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của bố mẹ, nguyện vọng của anh T, chị T1 là chính đáng. Chị T1 chứng minh được chị có đủ điều kiện để nuôi con và hiện cháu Nguyễn Như Bảo A tính đến ngày xét xử cháu chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy xét thấy cần giao con Nguyễn Như Bảo A cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; giao con Nguyễn Như Gia B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của của cha mẹ đối với con theo quy định tại Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T và chị T1 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con

cho nhau.

[4] *Về tài sản:* Tại đơn xin ly hôn ngày 26/6/2018 và tại phiên tòa anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/8/2018 chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà 02 tầng diện tích 50m^2 được xây trên diện tích đất 24,8m^2 ở thôn T, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, trị giá ngôi nhà 02 tầng khoảng 200.000.000đồng. Đất mang tên ông Nguyễn Như M (đã mất) và bà T3, sinh năm 1946 là bố mẹ chồng chị.

Ngày 07/9/2018 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T1 có yêu cầu rút không đề nghị Tòa án giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng, vì vậy HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T1.

[5] *Về án phí:* Anh Nguyễn Như T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T1 rút yêu cầu giải quyết tài sản chung nên HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị T1, vì vậy trả lại chị Nguyễn Thị T1 số tiền đã tạm ứng yêu cầu chia tài sản chung.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55; 69; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 18; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Như T và chị Nguyễn Thị T1.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Như T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Như Gia B, sinh ngày 08/9/2013; Giao cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Như Bảo A, sinh ngày 18/10/2015, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Anh Nguyễn Như T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T1 đối với tài sản chung (Ngôi nhà 02 tầng diện tích 50m^2 được xây trên diện tích đất 24,8m^2 ở thôn T, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, trị giá ngôi nhà 02 tầng khoảng

200.000.000đồng. Đất là của bố mẹ chồng chị ông Nguyễn Như M (đã mất) và bà T3, sinh năm 1946).

4. Về án phí: Anh Nguyễn Như T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai T1 tiền tạm ứng án phí số 0007728 ngày 22/8/2018 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại chị Nguyễn Thị T1 số tiền 5.000.000đồng chị đã nộp tạm ứng yêu cầu chia tài sản theo biên lai số 0007731 ngày 24/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Như T; chị Nguyễn Thị T1 và bà T3 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã N;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HOÀNG VĂN THÀNH